

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	280.372	228.125	321.814	298.434	115%	131%
I	Các khoản thu 100%	5.595	5.330	1.412	1.412	25%	26%
1	Phí, lệ phí	464	334	136	136	29%	41%
+	<i>Lệ phí môn bài</i>	201	177			0%	0%
+	<i>Phí, lệ phí khác</i>	263	157	136	136	52%	87%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	2.310	2.310			0%	0%
8	Thu khác	2.821	2.686	1.276	1.276	45%	48%
	<i>Trong đó</i>						
	<i>- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</i>	<i>1.743</i>	<i>1.743</i>	<i>784</i>	<i>784</i>	<i>45%</i>	<i>45%</i>
	<i>- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định</i>	<i>713</i>	<i>578</i>			<i>0%</i>	<i>0%</i>

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	98.100	46.118	74.660	51.280	76%	111%
1	Các khoản thu phân chia	3.178	1.585	7.110	1.590	224%	100%
+	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	220	220	210	210	95%	95%
+	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
+	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
+	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.958	1.365	6.900	1.380	233%	101%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	94.922	44.533	67.550	49.690	71%	112%
+	Thuế giá trị gia tăng	11.723	1.168	14.200	9.940	121%	851%
+	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.013	122	1.500	1.050	148%	861%
+	Thuế tài nguyên	882				0%	
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	4				0%	
+	Thuế thu nhập cá nhân	1.985	-	850	850	43%	
+	Thu tiền sử dụng đất	78.884	43.243	51.000	37.850	65%	88%
+	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	431				0%	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	3.326	3.326			0%	0%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	173.351	173.351	245.742	245.742	142%	142%
+	Thu bổ sung cân đối	13.802	13.802	117.616	117.616	852%	852%
+	Thu bổ sung có mục tiêu	159.549	159.549	128.126	128.126	80%	80%